

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q.HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2020

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Tùng

Ông Hoàng Minh Trinh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thu H** – Sinh năm: 1970. Địa chỉ: K12/05 đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Bị đơn: Ông **Ngô Văn S** - Sinh năm: 1964. Địa chỉ: K191/10 đường O, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Trương Thu H trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông S tự nguyện kết hôn vào năm 1995, có đăng ký kết hôn UBND phường H (nay là phường H), quận H, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 18 N, quận H, thành phố Đà Nẵng, là nhà cha mẹ bà H. Sau đó, cha mẹ bà tách một phần đất tại địa chỉ K12/05 N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng cho vợ chồng ông bà và ông bà sinh sống từ đó cho đến nay.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn vào năm

cuối năm 2015 và trầm trọng vào vào khoảng giữa năm 2019. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà trình bày là do hai bên tính tình không hợp nhau, đỉnh điểm ông S có mối quan hệ khác bên ngoài và có con riêng nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông S thường xuyên say xỉn chửi rủa bà ảnh hưởng đến danh dự của bà khiến bà ảnh hưởng tâm lý, gây ảnh hưởng đến công việc kinh doanh của bà.

Hiện nay, bà và ông S không còn chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Ông S về nhà cha mẹ sống tại địa chỉ K191/10 O, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Mâu thuẫn xảy ra hai bên gia đình đều biết nhưng vì là chuyện riêng của vợ chồng nên để hai bên tự giải quyết. Trước đây, bà có nộp đơn thuận tình ly hôn đến Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng tuy nhiên sau đó ông S thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn nên bà yêu cầu tòa án tiếp tục thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu đơn phương ly hôn của bà. Hiện nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài và trầm trọng nên yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

- Về con chung: Bà xác định bà và ông S có 02 con chung là Ngô Xuân L - sinh ngày: 06.8.1996 và Ngô Xuân T – sinh ngày 06.6.1999. Ly hôn, do các con chung đều đã trên 18 tuổi nên bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Văn S trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất như phần trình bày của bà H về thời gian kết hôn, địa điểm kết hôn và nơi vợ chồng chung sống sau khi kết hôn. Trong quá trình chung sống thì ông xác định vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, ông thừa nhận ông có mối quan hệ khác bên ngoài như bà H trình bày nên ông và bà H đã không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2020 đến nay, ông về sống tại nhà cha mẹ tại đường Ô, Đà Nẵng. Trước đây, mặc dù bà H nộp đơn thuận tình ly hôn ông đồng ý thuận tình ly hôn nhưng nay vì con cái, gia đình cũng như dòng tộc cũng như hiện nay vợ chồng đã chung sống với nhau cũng còn tình nghĩa nên ông xin được đoàn tụ với bà H, ông không đồng ý ly hôn với bà H. Tuy nhiên, ông đồng ý ly thân với bà H một thời gian để hai bên suy nghĩ lại vấn đề hôn nhân.

- Về con chung: Ông xác định ông và bà H có 02 con chung là Ngô Xuân L - sinh ngày: 06.8.1996 và Ngô Xuân T – sinh ngày 06.6.1999. Ly hôn, do các con chung đều đã trên 18 tuổi nên ông không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Ông xác định ông và bà H có tài sản chung bao gồm là K12/05 N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, nhà và đất này giao lại cho hai con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Ông xác định không có nợ chung.

Tài liệu chứng cứ của vụ án gồm: Bản sao giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh con, bản sao chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, phát biểu:

Đối với thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay và các quy định của pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Trương Thu H đối với ông Ngô Văn S.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trương Thu H được ly hôn đối với ông Ngô Văn S.

Về con chung: Các con đã thành niên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở để nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Trương Thu H đối với ông Ngô Văn S là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

** Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Trương Thu H và ông Ngô Văn S đăng ký kết hôn tại UBND phường H (nay là phường H), quận H, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 155 ngày 11/12/1995, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Xét thấy, hôn nhân giữa hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên toà hôm nay, bà Trương Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà Trương Thu H cho rằng vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng vào khoảng giữa năm 2019. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên tính tình không hợp nhau, đỉnh điểm ông S có mối quan hệ khác bên ngoài và có con riêng nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông S thường xuyên say xỉn chửi rủa bà ảnh hưởng đến danh dự của bà khiến bà ảnh hưởng tâm lý, gây ảnh hưởng đến công việc kinh doanh của bà. Bà H và ông S đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay và không có trách nhiệm gì với nhau. Ông S xác nhận mặc dù vợ chồng đã nộp đơn thuận tình ly hôn ông đồng ý thuận tình ly hôn nhưng vì con cái, gia đình cũng như dòng tộc và vợ chồng đã chung sống với nhau cũng còn nghĩa nên ông xin được đoàn tụ với bà H, tuy ông S đã về nhà cha mẹ sống nhưng ông không đồng ý ly hôn với bà H mà ông đồng ý ly thân với bà H một thời gian để hai bên suy nghĩ lại vấn đề hôn nhân. Tại biên bản xác minh do tổ trưởng tổ 14 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng cung cấp thì: Trong quá trình chung sống, bà H ông S có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà H phát hiện ông S có mối quan hệ khác bên ngoài có con riêng. Khi mâu thuẫn xảy ra, địa phương có khuyên nhủ, động viên nhưng không có kết quả.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Trương Thu H và ông Ngô Văn S thực tế đã có mâu thuẫn, cả hai đã sống ly thân, các bên không có trách nhiệm với nhau, bà H không còn tình cảm với ông S nữa mặc dù ông S mong muốn đoàn tụ vì con cái thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thu H đối với ông Ngô Văn S là hoàn toàn phù hợp.

* *Về con chung*: Bà Trương Thu H và ông Ngô Văn S xác nhận có 02 con chung là Ngô Xuân L, sinh ngày: 06.8.1996 và Ngô Xuân T, sinh ngày 06.6.1999. Ly hôn, các con chung đã thành niên nên không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

* *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Trương Thu H và ông Ngô Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết và xác định không nợ ai, không ai nợ, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Sau này nếu có phát sinh tranh chấp thì giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Trương Thu H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Trương Thu H và ông Ngô Văn S đã nộp tại biên lai thu số 0009158 ngày 09/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu. Bà Trương Thu H hoàn trả lại cho ông Ngô Văn S số tiền 150.000 đồng.

[4]Xét những đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa hôm nay là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Trương Thu H đối với ông Ngô Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử: Cho bà Trương Thu H được ly hôn đối với ông Ngô Văn S.

2. Về con chung: Các con đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Trương Thu H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Trương Thu H và ông Ngô Văn S đã nộp tại biên lai thu số 0009158 ngày 09/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu. Bà Trương Thu H hoàn trả lại cho ông Ngô Văn S số tiền 150.000 đồng.

6. Về thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- UBND phường H (giấy chứng nhận kết hôn số 155 ngày 11/12/1995);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Thảo